

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
Số:/20.....HĐTD- BacABank
(Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay mục đích tiêu dùng)

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á – Chi nhánh chúng tôi gồm:

A. Bên cho vay (Dưới đây gọi là Bên Cho Vay): Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á - Chi nhánh.....

Mã số Doanh nghiệp/Đăng ký kinh doanh..... do Phòng ĐKKD cấp ngày/...../.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Do ông/bà:..... Chức vụ:..... làm đại diện.

(Theo giấy uỷ quyền số ngày tháng ... năm ... của)

B. Bên vay (Dưới đây gọi là Bên Vay)

Ông/Bà.....

Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:.....do.....cấp ngày ...

ĐKKD số:

Nơi cư trú hiện tại:

Hộ khẩu thường trú

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ email (nếu có).....

Tài khoản số:.....tại.....

Ông/Bà.....

Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:.....do.....cấp ngày

ĐKKD số:

Nơi cư trú hiện tại:

Hộ khẩu thường trú

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ email (nếu có).....

Tài khoản số :.....tại.....

Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký Hợp Đồng Tín Dụng này (gọi tắt là Hợp Đồng này) với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1.1. Định nghĩa:

Trong Hợp Đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1.1. “**Hợp Đồng Tín Dụng**” có nghĩa là Hợp Đồng này được ký giữa Bên Cho Vay và Bên Vay và các thỏa thuận, văn bản khác giữa hai bên tùy từng thời điểm (nếu có).

1.1.2. “**Biện Pháp Bảo Đảm**” là các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Bên Vay tại Bên Cho Vay.

1.1.3. “**Bên Bảo Đảm**” là Bên dùng tài sản, quyền tài sản thuộc sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình, dùng uy tín hoặc cam kết thực hiện công việc bằng các Biện Pháp Bảo Đảm đối với Bên Cho Vay để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay theo quy định tại Hợp Đồng này và các thỏa thuận khác có liên quan.

1.1.4. “**Dư nợ**” là toàn bộ Dư nợ gốc và lãi, phí, phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, chi phí khác phát sinh chưa thanh toán theo Hợp Đồng này, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... và các thỏa thuận khác của các bên.

1.1.5. “**Ngày làm việc**” là các ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu và sáng thứ bảy trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

1.1.6. **Khoản nợ**: là số tiền được Bên Cho Vay giải ngân cho Bên Vay và/hoặc Bên Vay nhận nợ theo quy định tại Hợp Đồng này.

1.1.7. **Thời hạn tính lãi** được xác định từ ngày giải ngân khoản vay đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

1.1.8. **Nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh** (trường hợp lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ): Lãi suất cho vay được điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của chi phí đầu vào (cho phí huy động, chi phí hoạt động, chi phí khác), lợi nhuận kỳ vọng của Bên Cho Vay, mức độ rủi ro của Bên Vay và các yếu tố khác có liên quan.

1.1.9. Trường hợp áp dụng lãi suất cho vay cố định trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng hoặc lãi suất trong kỳ đầu tiên (đối với trường hợp áp dụng lãi suất điều chỉnh): mức lãi suất trong Hợp Đồng này tương đương với mức lãi suất trong trường hợp áp dụng phương pháp tính lãi dựa trên nguyên tắc thời hạn tính lãi xác định từ ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay đến hết ngày thanh toán hết khoản vay, bỏ ngày đầu, tính ngày cuối của thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi là đầu mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

1.1.10. **Sự kiện Biến động Thị trường**: là các trường hợp thay đổi quy định của pháp luật, chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, làm tăng chi phí vốn của Bên Cho Vay trong các kỳ tính lãi liên quan.

1.2. Nguyên tắc giải thích Hợp Đồng:

1.2.1. Tiêu đề các Điều trong Hợp Đồng này chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc theo dõi Hợp Đồng này, không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung các Điều trong Hợp Đồng này.

1.2.2. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản hoặc thỏa thuận nào sẽ bao gồm cả bất kỳ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc gia hạn nào đối với văn bản hoặc thỏa thuận đó.

1.2.3. Dẫn chiếu tới bất kỳ bên nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới cả bên mua, bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc bên nhận chuyển giao được phép của bên đó.

1.2.4. Khi Hợp Đồng này có ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với tính chất của Hợp Đồng này.

1.2.5. Các trường hợp khác việc giải thích Hợp Đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Nội dung khoản vay

2.1. Phương thức cho vay:¹

2.2. Số tiền cho vay, đồng tiền cho vay: (Bằng chữ:.....).

2.3. Mục đích vay:

Bên Vay phải đảm bảo mục đích vay đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với năng lực của mình và có hiệu quả để thanh toán cho Bên Cho Vay các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính đến hạn theo Hợp Đồng này.

¹ ĐVKD lựa chọn 1 trong 2 phương thức: cho vay hạn mức hoặc cho vay từng lần.

2.4. Thời hạn vay:..... kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

2.5. Thời hạn rút vốn vay: kể từ ngày ký Hợp Đồng này².

2.6. Thời gian ân hạn:³

Điều 3: Lãi suất cho vay

3.1. Lãi suất cho vay trong hạn:

Lãi suất cho vay thả nổi⁴: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn ... tháng bằng đồng Việt Nam trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á công bố trong từng thời kỳ + (cộng) với mức biên độ là:..... Lãi suất cho vay được điều chỉnh ... tháng/lần kể từ ngày giải ngân trên mỗi Khế ước nhận nợ. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất không phải là ngày làm việc thì ngày điều chỉnh lãi suất đó sẽ được xác định vào ngày làm việc tiếp theo.

3.2. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ)

3.2.1. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ bằng 110% lãi suất cho vay trong hạn của khoản vay đó đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc lãi suất cho vay trong hạn (đối với các khoản vay có thời hạn tương tự) của Bên Cho Vay tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, tùy mức lãi suất nào cao hơn.

3.2.2. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay được gia hạn nợ bằng 120% lãi suất cho vay trong hạn của khoản vay đó đang áp dụng tại thời điểm gia hạn nợ hoặc lãi suất cho vay trong hạn (đối với các khoản vay có thời hạn tương tự) của Bên Cho Vay tại thời điểm gia hạn nợ, tùy mức lãi suất nào cao hơn.

3.3. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn:

Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, Bên Vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

3.4. Lãi chậm trả:

Trường hợp Bên Vay không thanh toán lãi đúng hạn, thì Bên Vay phải trả lãi chậm trả cho Bên Cho Vay theo mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

3.5. Sự kiện Biến động Thị trường:

Khi xảy ra Sự kiện Biến động Thị trường theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên Cho Vay sẽ toàn quyền quyết định lãi suất cho vay mới và thông báo bằng văn bản cho Bên Vay biết mức lãi suất cho vay áp dụng trong kỳ tính lãi. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Trường hợp Bên Vay không đồng ý với mức lãi suất do Bên Cho Vay thông báo thì Bên Vay được quyền trả nợ trước hạn mà không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn, nếu Bên Vay không trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên Vay nhận được thông báo của Bên Cho Vay thì Bên Vay được xem là đã đồng ý với mức lãi suất do Bên Cho Vay thông báo.

Điều 4: Các khoản phí phạt

4.1. Phí trả nợ trước hạn

Phí trả nợ trước hạn⁵ = tính trên số tiền trả nợ trước hạn.

4.2. Phí cam kết rút vốn

- Phí cam kết rút vốn⁶ = tính trên số tiền vay quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 Hợp Đồng này.

- Số tiền phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Hợp Đồng này có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu, được tính bằng = Số tiền vay tại Khoản 2.2 Điều 2 x (nhân) Phí cam kết rút vốn x (nhân) Số ngày kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

4.3. Các khoản phí khác

² Hoặc thời hạn khác theo Thông báo phê duyệt. Trường hợp Quy định, chính sách hoặc Thông báo phê duyệt không quy định thì có thể xóa nội dung này.

³ Điền theo Quy định, chính sách hoặc Thông báo phê duyệt. Trường hợp không quy định thì có thể xóa nội dung này.

⁴ Mức cụ thể do hai bên thỏa thuận điền khi ký hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật

⁵ Mức cụ thể do hai bên thỏa thuận điền khi ký hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật

⁶ Mức cụ thể do hai bên thỏa thuận điền khi ký hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Các khoản phí khác theo quy định của Bên Cho Vay phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, được công bố tại địa điểm giao dịch và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á tại địa chỉ: www.baca-bank.vn

Điều 5: Biện pháp bảo đảm tiền vay

Biện pháp bảo đảm⁷: Có biện pháp bảo đảm

5.1. Nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này được bảo đảm bằng toàn bộ các tài sản sau đây:

5.1.1. Tài sản là: ...

5.1.2. Các tài sản bảo đảm khác hoặc biện pháp bảo đảm khác mà Bên Vay, Bên Bảo Đảm đã hoặc sẽ dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên Vay tại Hợp Đồng này.

5.1.3. Bảo lãnh của Bên Bảo Đảm và/hoặc các tài sản, biện pháp bảo đảm khác.

5.2. Giao dịch bảo đảm:

Các thoả thuận chi tiết về tài sản bảo đảm, quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác liên quan đến biện pháp bảo đảm được thực hiện theo quy định tại: Hợp đồng số [...] ký ngày [...] tháng [...] năm [...] giữa Bên Cho Vay và [...] (*điền tên Bên bảo đảm*);

và các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh được ký trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp Đồng này giữa Bên Cho Vay với Bên Vay/Bên Bảo Đảm có quy định hoặc dẫn chiếu đến Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này.

5.3. Ngoài các tài sản bảo đảm nêu tại Khoản 5.1, 5.2 trên đây, Tài sản bảo đảm tiền vay còn bao gồm: Các tài sản là Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, ô tô, hàng hóa, quyền đòi nợ, động sản và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm cho nghĩa vụ nợ của Bên Vay tại Bên Cho Vay. Chi tiết về việc bảo đảm các nghĩa vụ nợ của Bên Vay tại Bên Cho Vay được quy định cụ thể trong các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh ký giữa Bên Cho Vay và Bên Vay/Bên Bảo Đảm.

5.4. Các nguồn thu phát sinh từ phương án sử dụng số tiền vay và hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn trả nợ, số tiền có trên tài khoản của Bên Vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á cũng được dùng để bảo đảm tiền vay cho khoản vay của Bên Vay tại Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này nhằm ưu tiên thanh toán trước cho Bên Cho Vay, kể cả trong trường hợp Bên Vay có đồng thời các nghĩa vụ thanh toán với bên khác mà không phải là Bên Cho Vay.

5.5. Bên Vay cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp khác của mình làm tài sản bảo đảm cho các khoản tiền vay của Bên Vay tại Bên Cho Vay, nếu giá trị tài sản bảo đảm nêu tại Điều này không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi và các chi phí khác cho Bên Cho Vay.

5.6. Trường hợp tài sản bảo đảm bị giảm giá trị, không đủ bảo đảm cho khoản vay theo qui định của Bên Cho Vay thì Bên Cho Vay có quyền thực hiện một hoặc tất cả các biện pháp sau đây:

- Không giải ngân tiếp nếu vẫn còn trong thời hạn giải ngân đối với trường hợp giải ngân nhiều lần;

- Yêu cầu bổ sung tài sản bảo đảm.

5.7. Trường hợp Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... dùng để bảo đảm cho Bên Vay theo qui định tại Hợp Đồng này được ký lại, công chứng lại, đăng ký lại, sửa đổi, bổ sung thì các bên không cần ký lại hoặc sửa đổi Hợp Đồng này. Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... sau khi ký lại, công chứng lại, đăng ký lại, sửa đổi, bổ sung sẽ vẫn tiếp tục bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này.

5.8. Trong trường hợp Bên Cho Vay cho Bên Vay vay vốn không áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm không bằng tài sản, Bên Vay cam kết:

5.8.1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm hoặc bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Cho Vay nếu: (i) Bên Vay vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này hoặc (ii) trong thời hạn vay vốn xảy ra bất cứ sự kiện bất lợi nào có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên Vay (bao gồm các trường hợp Bên Vay bị mất năng lực hành vi dân sự; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; bị lâm vào tình trạng khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị bắt; khởi tố; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; liên quan đến các vụ kiện, vụ án có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên

⁷Trường hợp không có biện pháp bảo đảm ghi: không có biện pháp bảo đảm

Vay; chết, mất tích hoặc đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc trong thời gian 03 tháng không thể liên lạc được; ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân) hoặc khiến Bên Vay không đáp ứng được các điều kiện để được vay vốn không áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm không bằng tài sản theo quy định của Bên Cho Vay.

5.8.2. Trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm hoặc bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Cho Vay.

5.9. Trường hợp Bên Vay ký kết/ thực hiện các biện pháp bảo đảm khác với Bên Cho Vay trước hoặc sau thời điểm ký Hợp Đồng này thì biện pháp bảo đảm đó cũng được bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5.10. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì Bên Cho Vay có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để thu hồi nợ. Thứ tự yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo đảm để thu hồi nợ do Bên Cho Vay quyết định.

5.11. Trường hợp Bên Vay có nhiều nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm hoặc nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nếu có một nghĩa vụ đến hạn mà Bên Vay không thực hiện thì các nghĩa vụ khác chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và Bên Cho Vay có quyền thu hồi nợ. Khi đó, Bên Cho Vay được quyền yêu cầu thực hiện bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào để thu hồi nợ. Thứ tự xử lý tài sản bảo đảm, thứ tự thu hồi nợ do Bên Cho Vay quyết định.

Điều 6: Giải ngân

6.1. Hình thức giải ngân

Bên Cho Vay được quyền lựa chọn các hình thức giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản hoặc vừa nhận tiền mặt vừa chuyển khoản khi Bên Vay đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân được quy định tại Khoản 6.2 Điều này. Việc giải ngân sẽ do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày Bên Cho Vay thực hiện chuyển số tiền cho vay vào tài khoản theo yêu cầu của Bên Vay hoặc Bên Vay nhận bằng tiền mặt là ngày Bên Vay nhận tiền vay. Bên Cho Vay giải ngân số tiền mà Bên Vay đề nghị rút vốn, Bên Vay có trách nhiệm nhận nợ số tiền mà Bên Cho Vay đã giải ngân.

6.2. Điều kiện giải ngân

Bên Vay chỉ được rút vốn vay khi đã hoàn thành mọi thủ tục về bảo đảm tiền vay, bảo hiểm tài sản (nếu có) và các hồ sơ, phương án vay vốn và các điều kiện liên quan theo yêu cầu, quy định của Bên Cho Vay.

Mỗi lần rút vốn vay, Bên Vay phải báo trước cho Bên Cho Vay bằng văn bản ít nhất 2 ngày làm việc và kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đồng thời hoàn tất các thủ tục giải ngân theo quy định của Bên Cho Vay và phù hợp với quy định của pháp luật như ký Khế ước nhận nợ và các chứng từ liên quan khác.

Không có sự vi phạm nào đang tiếp diễn hoặc việc giải ngân có thể làm phát sinh một vi phạm mới.

6.3. Các chi phí liên quan đến việc giải ngân

Các chi phí liên quan đến việc giải ngân như phí chuyển tiền, telex do Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo phát sinh thực tế.

Điều 7: Quản lý nguồn trả nợ

7.1. Bên Vay dùng toàn bộ nguồn thu để trả nợ cho Bên Cho Vay, bao gồm: Thu nhập của Bên Vay, nguồn thu từ phương án được vay, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn thu khác.

7.2. Quản lý nguồn thu: các nguồn thu (bao gồm cả nguồn trả nợ) phải chuyển vào tài khoản của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay để trả nợ.

Điều 8: Trả nợ gốc, lãi vay, phí, tiền phạt và các nghĩa vụ khác

8.1. Trả nợ gốc

Bên Cho Vay và Bên Vay thống nhất phương thức trả nợ theo một trong các hình thức sau⁸:

Bên Vay trả nợ gốc vào ngày đến hạn được ghi trên Khế ước nhận nợ hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

Trả thành nhiều kỳ,tháng/kỳ vào ngày..... . Mỗi kỳ trả.....hoặc

Theo lịch:

T	Ngày trả	Số tiền
1
2
	Tổng cộng

Trường hợp ngày đến hạn của khoản vay vào ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày trả nợ của khoản vay sẽ tự động chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.

8.2. Trả nợ lãi

8.2.1. Kỳ hạn tính lãi

Tiền lãi của mỗi khoản vay được tính toán theo các kỳ hạn tính lãi nối tiếp nhau, mỗi kỳ hạn tính lãi có thời hạn là ... tháng⁹.

Kỳ tính lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên và kết thúc vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ hạn tính lãi đó.

Mỗi kỳ tính lãi sau kỳ tính lãi đầu tiên của khoản vay bắt đầu vào ngày 26 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ tính lãi liền trước của khoản vay đó và kết thúc vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ tính lãi đó.

Kỳ tính lãi cuối cùng của một khoản vay kết thúc vào ngày liền trước của ngày trả nợ gốc cuối cùng của khoản vay.

8.2.2. Tính toán và thanh toán lãi

Trong mỗi kỳ hạn tính lãi, tiền lãi đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ sẽ được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày và trên số ngày thực tế tính lãi theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \frac{\text{Dư nợ gốc tính lãi} \times \text{lãi suất (năm)} \times \text{số ngày thực tế tính lãi}}{365}$$

Vào ngày làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 25 đến ngày cuối cùng trong tháng cuối của kỳ tính lãi (hoặc ngày cuối cùng của kỳ tính lãi), Bên Vay sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Vay tiền lãi phát sinh trong kỳ hạn tính lãi đó.

Trường hợp ngày đến hạn thu lãi của khoản vay vào ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày trả lãi sẽ tự động chuyển sang ngày làm việc kế tiếp và không phải chịu mức phạt do chậm trả lãi.

8.3. Trả các loại phí, tiền phạt

Khi phát sinh nghĩa vụ phải trả phí, tiền phạt cho Bên Cho Vay theo quy định tại Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả ngay (hoặc chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày Bên Cho Vay thông báo) các loại phí, tiền phạt (nếu có) đó cho Bên Cho Vay theo mức phí, tiền phạt được quy định tại Hợp Đồng này hoặc theo biểu phí hiện hành do Bên Cho Vay công bố tại địa điểm giao dịch và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á tại địa chỉ: www.bacabank.vn.

8.4. Phương thức trả nợ

Bên Vay trả nợ cho Bên Cho Vay theo phương thức chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt. Trường hợp vào ngày giao dịch phát sinh các khoản phải thanh toán (thu nợ gốc, lãi, lãi phạt, phí chuyển tiền và các phí khác nếu có) phù hợp với các điều khoản trong Hợp Đồng này mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ cho Bên Cho Vay thì Bên Cho Vay được quyền:

- Trích từ tài khoản tiền gửi của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á để thu nợ các loại phí có liên quan đến khoản vay, lãi phạt (nếu có), lãi và thu nợ gốc;

- Thực hiện các phương thức khác theo qui định tại Hợp Đồng này, hoặc qui định của pháp luật.

⁸ĐVKD lựa chọn một trong các ô dưới đây và xóa các ô còn lại.

⁹ĐVKD chọn 1 tháng, tuy nhiên có thể ghi khác tùy theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và/hoặc quy định của BACABANK.

8.5. Đồng tiền trả nợ

Bên Vay nhận nợ bằng đồng tiền nào thì trả nợ (gốc, lãi) bằng đồng tiền đó. Trừ trường hợp Bên Cho Vay chấp thuận cho Bên Vay trả nợ bằng đồng tiền khác thì phải quy đổi về đồng tiền cho vay theo tỷ giá do Bên Cho Vay thông báo công khai tại thời điểm trả nợ, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Bên Cho Vay.

Trong trường hợp Bên Cho Vay chủ động trích tiền (ghi nợ) bất kỳ tài khoản nào của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay để thu nợ gốc và lãi vốn vay mà đồng tiền trong tài khoản của Bên Vay khác với đồng tiền phải trả nợ gốc và lãi vốn vay theo quy định tại Hợp Đồng này, thì Bên Cho Vay được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá niêm yết công khai của Bên Cho Vay tại thời điểm đó (sau khi đã trừ phí quy đổi tiền tệ theo biểu phí của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á công bố tại địa điểm giao dịch và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức tại địa chỉ: www.baca-bank.vn).

8.6. Trình tự thu hồi nợ

Đến hạn thanh toán, Bên Vay đồng ý việc Bên Cho Vay tiến hành thu nợ đối với Khoản nợ của Bên Vay chưa bị quá hạn nợ gốc theo thứ tự như sau: (i) Các loại phí; (ii) Lãi chậm trả; (ii) Lãi trên dư nợ gốc trong hạn; (iii) Nợ gốc đến hạn; (iv) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

Đối với khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Bên Cho Vay thực hiện thu nợ theo thứ tự (i) Gốc quá hạn của kỳ quá hạn xa nhất; (ii) Gốc quá hạn của các kỳ gần hơn; (iii) Lãi vay quá hạn; (iv) Lãi vay trong hạn chậm trả, lãi chậm trả, các loại phí; (v) Nợ lãi trong hạn; (vi) Nợ gốc đến hạn; (vii) Các nghĩa vụ tài chính khác.

Bên Cho Vay có quyền thay đổi thứ tự thu nợ nói trên cho Bên Vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Bên Cho Vay thu nợ từ tiền xử lý tài sản bảo đảm, Bên Cho Vay sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: (i) Chi phí xử lý tài sản bảo đảm; (ii) Nợ gốc quá hạn; (iii) Nợ gốc đến hạn; (iv) Tiền lãi vay quá hạn; (v) Các khoản phí; (vi) Tiền lãi chậm trả; (vii) Tiền lãi vay trong hạn và tiền bồi thường thiệt hại; (viii) Nghĩa vụ tài chính khác hoặc thứ tự khác do Bên Cho Vay quy định trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

8.7. Phục hồi nghĩa vụ trả nợ

Trong bất cứ trường hợp và vì bất cứ lý do nào mà khoản tiền Bên Vay trả nợ cho Bên Cho Vay bị khấu trừ thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Cho Vay trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên Vay chấp nhận việc Bên Cho Vay phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên Cho Vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

Điều 9: Trả nợ trước hạn

9.1. Bên Vay có thể trả nợ trước hạn khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Cho Vay và Bên Vay phải trả phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Khoản 4.1, Điều 4 của Hợp Đồng này.

9.2. Bất kỳ thông báo trả nợ trước hạn nào của Bên Vay theo Khoản 9.1, Điều này sẽ không được huỷ ngang, trong đó phải ghi rõ ngày trả nợ trước hạn là một ngày làm việc cụ thể và khoản tiền trả nợ trước hạn. Bên Vay phải trả nợ trước hạn vào ngày ghi trong thông báo đó trừ trường hợp Bên Cho Vay có chấp thuận khác.

Điều 10: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

10.1. Trước khi đến hạn ít nhất là 10 ngày làm việc đối với mỗi kỳ hạn trả nợ (cả gốc và lãi), nếu Bên Vay chưa có khả năng trả nợ thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ) cho Bên Cho Vay kèm theo lý do đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các hồ sơ, tài liệu, căn cứ chứng minh Bên Vay có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn sau khi được Bên Cho Vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

10.2. Tuỳ thuộc Bên Cho Vay xem xét, đánh giá khả năng và nguồn trả nợ của Bên Vay và các yếu tố khác Bên Cho Vay cho là cần thiết, Bên Cho Vay có thể chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ. Việc chấp thuận cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ phải được Bên Cho Vay lập thành văn bản và gửi cho Bên Vay biết. Trường hợp Bên Cho Vay không chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên Vay phải tiếp tục thực hiện các kỳ hạn trả nợ đã cam kết.

10.3. Trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì Bên Vay phải chịu mức lãi suất cho vay trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo qui định tại Khoản

8.2 Điều 3 Hợp Đồng này trên phần dư nợ gốc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, số tiền lãi phải trả trong thời gian được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi phải trả trong trường hợp cơ cấu lại} = \frac{(\text{Dư nợ gốc được cơ cấu lại}) \times (\text{lãi suất cơ cấu, theo năm}) \times (\text{số ngày thực tế tính lãi})}{365}$$

Điều 11: Chuyển nợ quá hạn

11.1. Chuyển nợ quá hạn

11.1.1. Hết ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo các kỳ hạn trả nợ quy định tại Khoản 8.1, Điều 8 Hợp Đồng này hoặc hết ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc quy định trong thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên hoặc hết ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn theo thông báo thu hồi nợ của Bên Cho Vay trên cơ sở quy định tại Điều 12 Hợp Đồng này mà Bên Vay không trả hết số nợ gốc phải trả và không được Bên Cho Vay cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc thì số dư nợ gốc đến hạn được chuyển sang nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn được tính là ngày liền sau ngày cuối cùng mà Bên Vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc. Bên Cho Vay lập thông báo bằng văn bản về việc chuyển nợ quá hạn gửi cho Bên Vay. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị chuyển quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

11.1.2. Bên Vay phải chịu áp dụng mức lãi suất quá hạn (theo qui định về lãi suất quá hạn tại Khoản 3.3, Điều 3 Hợp Đồng này) đối với phần dư nợ gốc quá hạn. Số tiền lãi phải trả trong thời gian quá hạn được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần dư nợ gốc quá hạn} = \frac{(\text{Dư nợ gốc quá hạn}) \times (\text{lãi suất quá hạn theo năm}) \times (\text{số ngày tính lãi bị quá hạn})}{365}$$

11.1.3. Trường hợp toàn bộ khoản nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo thu hồi nợ trước hạn của Bên Cho Vay trên cơ sở các qui định tại Điều 12 Hợp Đồng này, việc tính lãi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với phần dư nợ gốc đã chuyển quá hạn theo qui định tại Điểm 11.1.1 Khoản 11.1, Điều này thì việc tính lãi thực hiện theo Điểm 11.1.2, Khoản 11.1, Điều này.
- Đối với phần dư nợ gốc chưa đến hạn trả nợ theo qui định tại Khoản 8.1, Điều 8 của Hợp Đồng này thì tiếp tục được áp dụng mức lãi suất vay đang áp dụng tại thời điểm thu hồi cho đến khi phần dư nợ gốc đó được chuyển nợ quá hạn theo qui định tại Điểm 11.1.1, Khoản 11.1, Điều này.

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần dư nợ gốc chưa đến hạn trả theo Hợp Đồng này} = \frac{(\text{Dư nợ gốc chưa đến hạn trả nhưng bị Bên Cho Vay quyết định thu hồi trước hạn}) \times (\text{lãi suất đang áp dụng tại thời điểm thu hồi, theo năm}) \times (\text{số ngày tính lãi})}{365}$$

11.2. Khi toàn bộ khoản nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn, mọi Khoản nợ (nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả, nợ phí ...) đều đến hạn thanh toán. Bên Cho Vay có quyền thực hiện các biện pháp xử lý để thu hồi nợ.

Điều 12: Thu hồi nợ trước hạn

12.1. Bên Cho Vay có quyền thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên Vay/Bên Bảo Đảm cung cấp thông tin sai sự thật hoặc vi phạm các quy định trong hợp đồng này và/hoặc hợp đồng bảo đảm trong các trường hợp sau:

12.1.1. Bên Cho Vay phát hiện tài liệu, thông tin, báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn vay, mục đích vay vốn, tài sản bảo đảm do Bên Vay/Bên Bảo Đảm cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;

12.1.2. Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích;

12.1.3. Bên Vay không trả hay chậm trả nợ (gốc hoặc lãi hoặc phí và các chi phí khác nếu có); hoặc phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tại Bên Cho Vay hoặc tại Bên thứ ba; hoặc Bên Vay có vi phạm nghĩa vụ thuế;

12.1.4. Tài sản bảo đảm cho khoản vay không còn hoặc không còn đủ giá trị để bảo đảm cho khoản nợ vay, và Bên Vay không bổ sung tài sản bảo đảm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên Cho Vay thông báo;

12.1.5. Bên Vay hoặc một trong các cá nhân thuộc Bên Vay: (i) Bị mất năng lực hành vi dân sự; (ii) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (iii) Bị lâm vào tình trạng khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; (iv) Bị bắt, khởi tố; bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc liên quan đến các vụ kiện, vụ án, tranh chấp; Bên Vay hoặc một trong các cá nhân thuộc Bên Vay chết, mất tích hoặc đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc không liên lạc được trong thời gian 03 tháng liên tục;

12.1.6. Bên Vay hoặc một trong những cá nhân thuộc Bên Vay ly hôn hoặc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;

12.1.7. Một phần hoặc toàn bộ tài sản của Bên Vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ, hạn chế hoặc cầm giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền nào (kể cả là cơ quan tài phán hoặc trọng tài nước ngoài);

12.1.8. Bên Bảo Đảm là cá nhân dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này xảy ra một hoặc các trường hợp quy định tại các điểm 12.1.5, 12.1.6, 12.1.7, 12.1.8 Khoản này;

12.1.9. Bên Bảo Đảm là doanh nghiệp/tổ chức dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay theo Hợp Đồng này xảy ra một hoặc các trường hợp sau: (i) Bị phá sản, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, cổ phần hoá hoặc dùng tài sản để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; (ii) Tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục từ 03 tháng trở lên; (iii) Liên quan đến các vụ kiện, vụ án, hoặc có những thay đổi về vốn điều lệ, Tổng Giám đốc/Giám đốc, thành viên góp vốn/cổ đông, hoặc những sự kiện, tình huống dẫn đến những thay đổi bất lợi về uy tín, thương hiệu, năng lực tài chính, điều kiện kinh doanh, thị trường, lợi nhuận, nguồn thu, ... có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng này; (iv) Tổng Giám đốc/Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, người đứng đầu tổ chức hoặc một trong các lãnh đạo chủ chốt bị bắt, truy tố; (v) Một phần hoặc toàn bộ tài sản của Bên Bảo Đảm bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hạn chế hoặc cầm giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền nào (kể cả là cơ quan tài phán hoặc trọng tài nước ngoài);

12.1.10. Một, một số hoặc các tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện hoặc sự kiện có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Bên Cho Vay mà Bên Vay không thể thay thế hoặc bổ sung tài sản bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay;

12.1.11. Bên Vay hai lần vi phạm nghĩa vụ thông báo các thông tin được quy định tại Hợp Đồng này hoặc không khắc phục vi phạm trong thời hạn được quy định tại thông báo của Bên Cho Vay;

12.1.12. Bên Vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc cung cấp không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay và các loại chứng từ khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định hoặc yêu cầu của Bên Cho Vay; hoặc Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Cho Vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng này và các thỏa thuận liên quan, kể cả việc sử dụng dịch vụ của Bên thứ ba do Bên Cho Vay chỉ định;

12.1.13. Bên Vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước hoặc Bên Vay/Bên Bảo Đảm vi phạm bất cứ nghĩa vụ, trách nhiệm nào của mình quy định tại Hợp Đồng này, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh và các văn bản, giấy tờ, thỏa thuận liên quan;

12.1.14. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Xử lý trong trường hợp chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước thời hạn:

12.2.1. Khi xảy ra một và/hoặc một số trường hợp được quy định tại Khoản 12.1, Điều này dẫn tới việc Bên Cho Vay ra quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Bên Cho Vay thông báo tới Bên Vay về thời điểm thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời gian hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

12.2.2. Khi Bên Cho Vay quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn thì các khoản nợ gốc, lãi, phí, chi phí phải trả khác theo Hợp Đồng này (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn, Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày

Bên Cho Vay quyết định thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo gửi cho Bên Vay. Bên Cho Vay có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ, các biện pháp này bao gồm bỏ như:

(i) Bên Cho Vay tự động tạm khóa, phong tỏa, trích tiền trên tài khoản thanh toán và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) và tài khoản khác của Bên Vay tại Bên Cho Vay hoặc tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á để thu hồi nợ.

(ii) Nếu Bên Vay không chủ động trả nợ hoặc số dư trên các tài khoản tiền gửi của Bên Vay tại Bên Cho Vay không đủ để thu nợ, trường hợp Bên Vay có tiền gửi trong tài khoản tại tổ chức tín dụng khác, thì bằng Văn bản này (mà không cần văn bản đồng ý/ủy quyền nào khác), Bên Vay đồng ý Bên Cho Vay đại diện và nhân danh Bên Vay yêu cầu và/hoặc Lập lệnh chi và/hoặc Ủy nhiệm chi gửi các tổ chức tín dụng khác để trích tiền gửi và đề nghị thanh toán từ tài khoản của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó để thu nợ.

(iii) Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay và Bên thứ ba thực hiện việc trích tiền trên tài khoản của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay hoặc Bên thứ ba khi Bên Cho Vay ra quyết định thu hồi nợ trước hạn.

(iv) Xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

(v) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm áp dụng.

12.2.3. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo của Bên Cho Vay mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ các khoản nợ phải trả trước hạn thì Bên Cho Vay chuyển toàn bộ các khoản dư nợ gốc chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với các khoản dư nợ gốc chưa trả đó.

Điều 13: Chuyển nhượng nợ

13.1. Bên Vay không được chuyển nhượng/bán hoặc chuyển giao bất kỳ hoặc toàn bộ quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình trong Hợp Đồng này trừ khi được Bên Cho Vay chấp thuận bằng văn bản.

13.2. Bằng Hợp đồng này, Bên vay đồng ý để Bên Cho Vay được chuyển nhượng hoặc chuyển giao hoặc bán một phần hoặc toàn bộ khoản nợ theo Hợp Đồng này cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định của pháp luật mà không cần có văn bản chấp thuận nào khác của Bên Vay.

Điều 14: Quyền và các nghĩa vụ của Bên Vay

14.1. Bên Vay có quyền

14.1.1. Được rút vốn vay theo các điều khoản và điều kiện được qui định trong Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan.

14.1.2. Từ chối các yêu cầu của Bên Cho Vay không đúng với các thỏa thuận trong Hợp Đồng này, và các văn bản có liên quan.

14.1.3. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp Đồng này, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... và các văn bản có liên quan theo qui định của Pháp luật.

14.1.4. Bên Vay có quyền thanh toán khoản nợ và chấm dứt hợp đồng trước hạn và phải thanh toán cho Bên Cho Vay các khoản phí trả nợ trước hạn theo Hợp Đồng này.

14.1.5. Các quyền khác theo qui định tại Hợp Đồng này và theo qui định của pháp luật.

14.2. Bên Vay có nghĩa vụ

14.2.1. Hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với những thông tin mà Bên Vay cung cấp trước Bên Cho Vay và pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị vay vốn; báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi tại Hợp Đồng này; các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm cấp tín dụng. Sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh và các cam kết khác có liên quan.

14.2.2. Lập sổ sách theo dõi quá trình vay và trả nợ đúng thời hạn cam kết.

14.2.3. Trả nợ gốc và lãi tiền vay, các loại phí khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này và các cam kết khác có liên quan.

14.2.4. Tạo điều kiện cho Bên Cho Vay kiểm soát, giám sát mục đích sử dụng vốn vay và tài sản bảo đảm. Nếu tài sản của Bên Bảo Đảm thì Bên Vay phải phối hợp với Bên Bảo Đảm để Bên Cho Vay được kiểm tra tài sản thế chấp, định giá lại tài sản.

14.2.5. Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm theo qui định tại Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh hoặc thỏa thuận giữa Bên Vay và Bên Cho Vay và chuyển toàn bộ quyền thụ

hưởng bảo hiểm cho Bên Cho Vay. Nếu tài sản của Bên Bảo Đảm thì Bên Vay phải phối hợp với Bên Bảo Đảm để mua bảo hiểm và chuyển quyền thụ hưởng duy nhất cho Bên Cho Vay theo qui định tại Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,...

14.2.6. Bổ sung tài sản bảo đảm theo quy định của Bên Cho Vay trong trường hợp tài sản bảo đảm của Bên Vay/Bên Bảo Đảm bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị. Thời hạn hoàn thành việc bổ sung tài sản bảo đảm trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên Cho Vay có thông báo bổ sung tài sản bảo đảm. Trường hợp Bên Vay không thực hiện thì Bên Cho Vay có quyền ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.

14.2.7. Cam kết dùng mọi nguồn thu và tài sản hợp pháp của mình để trả đủ lãi và nợ gốc, phí, chi phí và các khoản nợ khác (nếu có) cho Bên Cho Vay hoặc bên mua, bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này từ Bên Cho Vay kể cả việc tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bất kỳ tài sản nào khác thay thế, bổ sung cho tài sản thế chấp, cầm cố cho Bên Cho Vay hoặc bên mua, bên nhận chuyển nhượng để xử lý bán tài sản lấy tiền trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và các khoản đến hạn khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, đồng thời Bên Vay cam kết tôn trọng và tạo mọi điều kiện để Bên Cho Vay bán các tài sản nói trên vào các mục đích thu nợ có liên quan. Trường hợp nếu tài sản của Bên Bảo Đảm thì Bên Vay và Bên Bảo Đảm cam kết phải phối kết hợp, tạo mọi điều kiện để Bên Cho Vay bán tài sản vào mục đích thu hồi nợ.

14.2.8. Bên Vay có nghĩa vụ tuân thủ các quy định, yêu cầu của Bên Cho Vay về quản lý dòng tiền trong quá trình cấp tín dụng, cụ thể: Bên Vay có nghĩa vụ mở tài khoản tại Bên Cho Vay hoặc các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á và sử dụng tài khoản này để rút vốn, thực hiện các giao dịch có liên quan đến Hợp Đồng này. Toàn bộ các nguồn thu Bên Vay có được trong quá trình sử dụng vốn vay phải được chuyển khoản/nộp vào các tài khoản này.

14.2.9. Chấp thuận để Bên Cho Vay được tự động tạm khóa, phong tỏa, trích tiền trên tài khoản thanh toán và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) và tài khoản khác của Bên Vay tại Bên Cho vay hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á để thu hồi nợ, nghĩa vụ tài chính của Bên Vay đối với Bên Cho Vay.

14.2.10. Bên Vay ủy quyền cho Bên Cho Vay lập ủy nhiệm chi yêu cầu tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên Vay trích tiền thu hồi nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp các khoản nợ của Bên Vay bị chuyển sang nợ quá hạn (thời hạn ủy quyền đến khi chấm dứt Hợp Đồng này).

14.2.11. Hàng quý hoặc khi có yêu cầu, Bên Vay phải cung cấp cho Bên Cho Vay:

(i) Thông tin về việc sử dụng vốn vay, các tài liệu chứng từ về việc sử dụng vốn vay; tình hình hoạt động, kinh doanh;

(ii) Thông tin trung thực về tên các tổ chức tín dụng mà Bên Vay có tiền gửi, tài khoản, số tài khoản, số dư tài khoản, dư nợ tại các tổ chức tín dụng này.

14.2.12. Chấp thuận cho Bên Cho Vay chuyển nhượng hoặc chuyển giao hoặc bán cho bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định trong Hợp Đồng này và các Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng khác có liên quan trong đó có quyền đòi các khoản nợ gốc, thụ hưởng tiền lãi và phí phát sinh, nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn và chi phí khác (nếu có). Đồng thời Bên Vay cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và các Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng khác có liên quan đối với bên thứ ba nhận chuyển nhượng, chuyển giao, mua Hợp Đồng này.

14.2.13. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận đã cam kết trong Hợp Đồng này, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... và các văn bản khác có liên quan.

14.2.14. Bên Vay chấp nhận rằng, các thông báo, ấn định lãi suất, phí; tính toán gốc, lãi, phí, phạt và các chi phí khác theo quy định tại Hợp Đồng này của Bên Cho Vay đối với Bên Vay có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay.

14.2.15. Có trách nhiệm bồi thường nếu gây thiệt hại cho Bên Cho Vay trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.

14.2.16. Thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định tại Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan.

14.2.17. Các nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng này, Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này, các văn bản, cam kết liên quan giữa Bên Cho Vay và Bên Vay, quy định của pháp luật.

Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Vay

15.1. Bên Cho Vay có quyền

15.1.1. Từ chối giải ngân khoản vay nếu Bên Vay không đáp ứng được các điều kiện theo Khoản 6.2, Điều 6 của Hợp Đồng này hoặc Bên Vay/Bên Bảo Đảm vi phạm một trong các thỏa thuận, cam kết tại Hợp Đồng này hoặc có một trong các sự kiện là căn cứ để Bên Cho Vay ra quyết định thu hồi nợ trước hạn quy định tại Điều 12 của Hợp Đồng này.

15.1.2. Yêu cầu Bên Vay cung cấp bổ sung các tài liệu giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ vay vốn theo quy định của Bên Cho Vay, các giấy tờ nhằm chứng minh việc sử dụng tiền vay đúng mục đích và các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động tài chính/kế toán của Bên Vay trong thời gian vay vốn theo Hợp Đồng này.

15.1.3. Được ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện việc định giá, quản lý và xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay.

15.1.4. Được quyền thu các khoản phí, phạt liên quan đến việc cho vay theo quy định của Bên Cho Vay (công bố tại các điểm giao dịch và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức tại địa chỉ: www.baca-bank.vn) trong từng thời kỳ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

15.1.5. Được áp dụng lãi suất đối với khoản vay, điều chỉnh lãi suất vay theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này và áp dụng cho toàn bộ dư nợ còn lại của Hợp Đồng này.

15.1.6. Có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 12 Hợp Đồng này.

15.1.7. Được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 18 Hợp Đồng này và chấm dứt Hợp Đồng.

15.1.8. Kiểm tra giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay.

15.1.9. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ sau khi phát hiện Bên Vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm Hợp Đồng này.

15.1.10. Điều chỉnh lãi suất, phí cho vay theo quy định tại Hợp đồng này và thông báo ...trước cho Bên vay¹⁰biết theo một trong các phương thức quy định tại khoản 16.2 Điều 16 của Hợp đồng này.

15.1.11. Yêu cầu Bên bảo đảm bổ sung tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm cho khoản cấp vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị hoặc Bên Vay vi phạm thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

15.1.12. Tự động tạm khóa, phong tỏa, trích tiền trên tài khoản thanh toán và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn(bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) và tài khoản khác của Bên Vay tại Bên Cho Vay hoặc tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á để thu hồi các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của Bên Vay đối với Bên Cho Vay. Trường hợp tiền gửi hoặc tiền trong tài khoản không cùng loại với số tiền thu nợ, Bên Cho Vay được tự động quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Bên Cho Vay công bố công khai tại thời điểm thu nợ

15.1.13. Lập Ủy nhiệm chi yêu cầu tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên Vay trích tiền thu hồi nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp các khoản nợ của Bên Vay bị chuyển sang nợ quá hạn.

15.1.14. Trường hợp Bên Vay không trả được nợ khi đến hạn hoặc trước hạn theo thông báo của Bên Cho Vay, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Bên Cho Vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ.

15.1.15. Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đến hạn, quá hạn của một hay nhiều khoản nợ thì tất cả các khoản nợ còn lại liên quan đến tài sản bảo đảm đó coi như đã đến hạn trả và được thu hồi từ nguồn tiền thu được do xử lý tài sản bảo đảm đó. Trong trường hợp nguồn thu từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Bên Vay tiếp tục chịu trách nhiệm hoàn trả phần còn thiếu bằng các nguồn tiền khác hoặc phải tiếp tục nhận nợ phần còn thiếu. Trong trường hợp nguồn thu từ việc xử lý tài sản bảo đảm đó còn thừa thì phần còn thừa được sử dụng để thu hồi các khoản nợ và nghĩa vụ khác của Bên Vay tại Bên Cho Vay.

15.1.16. Chuyển nhượng/bán hoặc ủy thác các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và theo các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh tiền vay cho bên thứ ba.

15.1.17. Miễn hoặc giảm lãi vốn vay, giảm phí, điều chỉnh kỳ hạn nợ, mua bán nợ và thực hiện việc đảo nợ, khoan nợ, xóa nợ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

15.1.18. Bên Cho Vay được cung cấp thông tin liên quan đến Bên Vay, các khoản cấp tín dụng, Tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

¹⁰ Số ngày thông báo trước sẽ do 2 bên thỏa thuận.

15.1.19. Mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh và tính vào số tiền nợ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay, trong trường hợp Bên Vay và/hoặc Bên Bảo Đảm chậm hoặc không mua bảo hiểm theo yêu cầu của Bên Cho Vay.

15.1.20. Khởi kiện Bên Vay vi phạm Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật.

15.1.21. Các quyền khác quy định tại Hợp Đồng này, Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này, các văn bản, cam kết liên quan giữa Bên Cho Vay và Bên Vay, quy định của pháp luật.

15.2. Bên Cho Vay có nghĩa vụ

15.2.1. Giải ngân đầy đủ, kịp thời theo thỏa thuận đã được ghi trong Hợp Đồng này.

15.2.2. Thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định tại Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan.

15.2.3. Bên cho vay có trách nhiệm bảo mật thông tin của Bên Vay, không cung cấp thông tin của Bên vay cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được Bên vay đồng ý trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc pháp luật có quy định khác.

15.2.4. Có trách nhiệm bồi thường nếu gây thiệt hại cho Bên Vay trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.

Điều 16: Thông báo thay đổi và trao đổi thông tin

16.1. Bên Vay phải thông báo cho Bên Cho Vay trước ít nhất 5 ngày làm việc khi dự kiến phát sinh đối với các sự kiện có thể biết trước và chậm nhất là sau 3 ngày làm việc đối với các sự kiện không thể biết trước, cụ thể như sau:

16.1.1. Bên Vay/Bên Bảo Đảm thay đổi địa chỉ nơi ở, thay đổi đăng ký kinh doanh.

16.1.2. Bên Vay/Bên Bảo Đảm chết, mất tích hoặc quá ba tháng vẫn không liên lạc được.

16.1.3. Bên Vay/Bên Bảo Đảm bị liên quan trong vụ kiện, vụ án có khả năng ảnh hưởng đến tài sản của Bên Vay/Bên Bảo Đảm.

16.1.4. Bên Vay/Bên Bảo Đảm có xảy ra việc kết hôn, ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

16.1.5. Tài sản bảo đảm tiền vay bị thay đổi, mất, giảm sút giá trị.

16.1.6. Tài sản của Bên Vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ.

16.1.7. Các sự kiện làm cho Bên Vay không hoặc khó thực hiện được theo kế hoạch/phương án trả nợ đã thống nhất với Bên Cho Vay.

16.1.8. Việc góp vốn, đầu tư hoặc phát sinh quan hệ tín dụng, vay mượn, bảo đảm nghĩa vụ giữa Bên Vay đối với cá nhân, tổ chức khác ngoài Bên Cho Vay.

16.1.9. Mất khả năng thanh toán hoặc có các sự kiện khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên Vay.

16.1.10. Bên Vay/Bên Bảo Đảm phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Vay và ký văn bản xử lý phần vốn vay với Bên Cho Vay trước khi thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, cổ phần hoá, giải thể, phá sản.

16.2. Bên Cho vay thông báo cho Bên Vay bằng văn bản về mức lãi suất cụ thể được điều chỉnh (nếu điều chỉnh lãi suất). Trong thông báo này, Bên Cho Vay ghi rõ mức lãi suất năm tương ứng trong trường hợp áp dụng phương pháp tính lãi dựa trên nguyên tắc thời hạn tính lãi xác định từ ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay đến hết ngày thanh toán hết khoản vay (bỏ ngày đầu, tính ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là đầu mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

16.3. Trao đổi thông tin

16.3.1. Mọi thông báo, tài liệu, trao đổi thông tin giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này phải gửi theo địa chỉ của các bên nêu tại Hợp Đồng này hoặc địa chỉ theo thông báo bằng văn bản của các bên khi có sự thay đổi (nếu có).

16.3.2. Việc gửi thông báo, tài liệu được thực hiện thông qua: fax, thư bảo đảm, giao nhận trực tiếp giữa hai bên hoặc qua các tổ chức, cá nhân khác.

16.3.3. Thông báo, tài liệu giao dịch được coi là đã nhận vào các thời điểm dưới đây:

(i) Vào thời điểm nhận (nếu chuyển trực tiếp và có giấy biên nhận); hoặc

(ii) Sau 03 ngày kể từ ngày gửi theo dấu bưu điện nếu gửi bằng thư bảo đảm; hoặc

(iii) Ngày làm việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax và khi gửi máy fax đã thông báo gửi và nhận thành công.

Điều 17. Sửa đổi bổ sung Hợp Đồng

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt Hợp Đồng này và/hoặc một số hay bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng phải được Bên Vay và Bên Cho Vay thỏa thuận thống nhất, lập thành văn bản Phụ lục Hợp Đồng này, do đại diện có thẩm quyền của Bên Vay và Bên Cho Vay ký kết mới có hiệu lực pháp lý.

Điều 18: Hiệu lực của Hợp Đồng và chấm dứt Hợp Đồng

18.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

18.2. Hợp Đồng này chấm dứt khi có một trong các trường hợp sau:

18.2.1. Bên Vay đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi vay, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản phí và chi phí khác có liên quan đến khoản vay theo yêu cầu của Bên Cho Vay và được Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản chấm dứt Hợp Đồng này.

18.2.2. Bên Cho Vay đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này theo qui định tại Khoản 18.3, Điều này.

18.2.3. Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

18.3. Bên Cho Vay có quyền tuyên bố đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này và yêu cầu Bên Vay bồi thường thiệt hại khi có một trong các trường hợp sau:

18.3.1. Bên Vay không thực hiện rút vốn trong thời hạn được qui định tại Điều 2 Hợp Đồng này.

18.3.2. Bên Vay không đáp ứng được các điều kiện giải ngân theo qui định của Bên Cho Vay.

18.3.3. Các thông tin mà Bên Vay cung cấp cho Bên Cho Vay để giải ngân lần đầu tiên là không chính xác và không trung thực.

Điều 19: Thỏa thuận khác

19.1. Bên Vay chịu và thanh toán các khoản phí thẩm định, định giá, công chứng (chứng thực), đăng ký giao dịch bảo đảm và các loại chi phí, phí khác liên quan đến khoản vay theo qui định hiện hành của Bên Cho Vay (công bố tại các điểm giao dịch và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức tại địa chỉ: www.baca-bank.vn) và pháp luật tại thời điểm thực hiện.

19.2. Các bên thống nhất rằng Bên cho vay được quyền cung cấp các thông tin liên quan đến Bên Vay theo quy định của pháp luật.

19.3. Bên Vay xác nhận rằng đã hiểu rõ và được Bên Cho Vay cung cấp đầy đủ các thông tin trước khi ký Hợp Đồng này, bao gồm đầy đủ các thông tin về Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí, mức phí áp dụng đối với khoản vay và các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này.

19.4. Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng này và các văn bản, tài liệu khác có liên quan giữa Bên Cho Vay và Bên Vay, Bên Bảo Đảm là tiếng Việt. Trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài kèm theo bản tiếng Việt, tuy nhiên khi có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì các bên áp dụng theo bản tiếng Việt.

19.5. Hai bên nghiêm túc thực hiện Hợp Đồng này. Các tài liệu kèm theo bao gồm: Giấy đề nghị vay vốn, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh, các văn bản thông báo của Bên Cho Vay gửi Bên Vay và các văn bản thỏa thuận ký giữa Bên Vay và Bên Cho Vay là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này Mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa hai bên sẽ được chuyển đến địa chỉ và theo số điện thoại, số fax ghi tại trang 1 Hợp Đồng này. Trường hợp một bên có sự thay đổi địa chỉ, điện thoại, số fax liên lạc thì phải thông báo ngay cho bên kia bằng văn bản.

19.6. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu không có kết quả thì sẽ chuyển vụ việc tranh chấp đến cơ quan Pháp luật có thẩm quyền là Tòa án để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có phán quyết của Tòa án đình chỉ, hủy bỏ toàn bộ Hợp Đồng này hoặc tuyên bố Hợp Đồng này vô hiệu toàn bộ, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này trong suốt quá trình tiến hành thủ tục giải quyết tranh chấp. Nếu một hoặc một số điều khoản nào đó của Hợp Đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc vô hiệu do sự thay đổi chính sách, Pháp luật của Nhà nước thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên giá trị và ràng buộc nghĩa vụ của các bên.

19.7. Không được hiểu và giải thích là Bên Cho Vay miễn trừ trách nhiệm đối với các vi phạm hiện tại hoặc tiếp theo của Bên Vay hay khước từ quyền của Bên Cho Vay tại Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan khác nếu Bên Cho Vay chậm trễ hoặc chưa thực hiện quyền của Bên Cho Vay hoặc miễn trừ trách nhiệm cho một vi phạm của Bên Vay trước đó.

19.8. Thẩm quyền thực hiện Hợp Đồng này: Mọi yêu cầu hoặc đề nghị rút vốn, giải ngân, gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ, báo cáo, tiếp nhận và trao đổi thông tin... liên quan đến Hợp đồng này được ký kết, thực hiện bởi Bên Vay hoặc người được Bên Vay ủy quyền hợp pháp đều có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

19.9. Những vấn đề chưa được nêu trong Hợp Đồng này, sẽ được thực hiện theo các văn bản khác được hai bên thỏa thuận, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố, Hợp đồng bảo lãnh,... và theo các qui định của pháp luật.

19.10. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn và các bên cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

19.11. Hợp Đồng này gồm 19 Điều, được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên Cho Vay giữ 02(hai) bản, Bên Vay giữ 01(một) bản./.

BÊN VAY

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)